

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019	8
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	9 – 31

236
CÔNG
TN
TOÁN
SM VI
T.P.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2019)
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên
Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên
Ông Trần Văn Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2019)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Lê Thị Bích Loan	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên
Ông Trần Quốc Nam	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31 tháng 05 năm 2019)
Ông Trần Văn Nguyên	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Số: 20.104/BCSX-RSM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, được lập ngày 09 tháng 08 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		353.089.578.086	233.877.505.996
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	256.145.660.304	148.579.129.614
1. Tiền	111		215.126.056.096	107.559.525.406
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.019.604.208	41.019.604.208
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.643.752.836	83.333.982.943
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	91.981.980.988	77.308.436.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.234.548.213	6.912.894.467
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		1.815.123.646	1.338.165.132
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(2.387.900.011)	(2.225.513.107)
III. Hàng tồn kho	140		602.509.051	359.531.751
1. Hàng tồn kho	141		602.509.051	359.531.751
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		697.655.895	1.604.861.688
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	697.655.895	518.181.028
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	86.680.660
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.000.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		621.849.173.554	612.110.402.153
I. Tài sản cố định	220		372.168.582.124	391.258.129.138
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	367.311.037.478	386.438.612.074
Nguyên giá	222		687.407.011.301	681.457.306.091
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(320.095.973.823)	(295.018.694.017)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	4.857.544.646	4.819.517.064
Nguyên giá	228		6.649.224.168	6.299.224.168
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.791.679.522)	(1.479.707.104)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		176.706.257.281	147.466.895.007
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.5	176.706.257.281	147.466.895.007
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		22.165.000.000	22.165.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	15.165.000.000	15.165.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	7.000.000.000	7.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		50.809.334.149	51.220.378.008
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	50.809.334.149	51.220.378.008
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		974.938.751.640	845.987.908.149

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		485.697.892.094	376.790.790.485
I. Nợ ngắn hạn	310		316.812.038.261	192.284.536.652
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	38.608.352.000	72.764.336.999
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		151.248.002	99.034.806
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	6.093.890.012	2.261.584.346
4. Phải trả người lao động	314		16.833.387.547	18.065.991.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.836.443.940	1.627.910.448
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.581.700.070	2.005.683.507
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.11	34.680.546.277	3.185.153.154
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.12	181.661.792.391	71.720.892.573
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.13	16.275.173.780	10.710.000.000
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	17.089.504.242	9.843.949.819
II. Nợ dài hạn	330		168.885.853.833	184.506.253.833
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.11	23.501.590.222	23.201.590.222
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.12	145.384.263.611	161.304.663.611
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		489.240.859.546	469.197.117.664
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	489.240.859.546	469.197.117.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		123.479.870.000	123.479.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		123.479.870.000	123.479.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		191.393.296.738	169.186.355.738
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		7.752.120.803	7.752.120.803
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.180.765.460	94.343.964.578
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		27.456.891.078	17.809.643.323
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		64.723.874.382	76.534.321.255
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		974.938.751.640	845.987.908.149



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.17	345.703.435.326	321.481.577.517
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		345.703.435.326	321.481.577.517
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	235.236.023.958	226.511.712.417
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		110.467.411.368	94.969.865.100
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	3.125.804.751	2.307.558.022
6. Chi phí tài chính	22	4.20	10.171.464.781	9.790.486.361
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.169.454.281</i>	<i>9.755.398.194</i>
7. Chi phí bán hàng	25	4.21	8.419.986.250	6.928.074.762
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.22	23.362.584.379	19.854.195.377
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.639.180.709	60.704.666.622
10. Thu nhập khác	31		122.691.643	138.403.613
11. Chi phí khác	32		80.000	17.534.697
12. Lợi nhuận khác	40		122.611.643	120.868.916
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		71.761.792.352	60.825.535.538
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.24	7.037.917.970	6.021.055.332
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.723.874.382	54.804.480.206
16. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần	70	4.15.4	3.059	2.591



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Huyền Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		71.761.792.352	60.825.535.538
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.23	25.389.252.224	23.974.553.878
Các khoản dự phòng	03	4.23	162.386.904	(43.125.849)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.787.196.051)	(2.304.922.247)
Chi phí lãi vay	06	4.20	10.169.454.281	9.755.398.194
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		104.695.689.710	92.207.439.514
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(11.385.476.137)	(20.049.942.290)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(242.977.300)	58.534.301
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(19.592.304.185)	860.230.855
Tăng giảm chi phí trả trước	12		231.568.992	460.365.607
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.215.712.288)	(9.838.471.829)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(4.744.027.097)	(2.524.690.023)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		16.680.000	24.050.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(6.581.290.577)	(2.913.486.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.182.151.118	58.284.029.847
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(41.392.471.697)	(49.728.359.816)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.787.196.051	2.420.062.054
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.605.275.646)	(47.308.297.762)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.25	151.320.992.391	156.036.457.717
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.26	(57.300.492.573)	(137.478.883.054)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(30.844.600)	(18.465.258.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		93.989.655.218	92.316.433
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		107.566.530.690	11.068.048.518
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		148.579.129.614	177.824.026.842
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	256.145.660.304	188.892.075.360



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 24 tháng 08 năm 2005, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600334112 ngày 04 tháng 01 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2016.

Ngày 04 tháng 08 năm 2011, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 118/2011/QĐ-SGDHCM ngày 04 tháng 08 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 867/2011/TB-SGDHCM ngày 12 tháng 10 năm 2011 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn pháp định là 6.000.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 123.479.870.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 30/06/2019		Tại ngày 01/01/2019	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp	Việt Nam	62.974.800.000	51	62.974.800.000	51
Tổng Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện Việt Nam	Việt Nam	25.000.000.000	20	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư Toàn Việt	Việt Nam	5.590.700.000	5	5.535.700.000	4
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Đồng Nai	Việt Nam	4.625.040.000	4	4.625.040.000	4
Các cổ đông khác		25.289.330.000	20	50.344.330.000	41
Cộng		123.479.870.000	100	123.479.870.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 266 (01 tháng 01 năm 2019: 267).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ cảng biển.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan);
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa));
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa đường sắt (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Tiền mặt	969.423.097	875.416.857
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	214.156.632.999	106.684.108.549
Các khoản tương đương tiền	41.019.604.208	41.019.604.208
Cộng	<u>256.145.660.304</u>	<u>148.579.129.614</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 5%/năm đến 5,5%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2019
VNDTại ngày 01/01/2019
VND

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành (a)	1.665.000.000	-	(*)	1.665.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai (b)	13.500.000.000	-	(*)	13.500.000.000	-	(*)
Cộng	15.165.000.000	-		15.165.000.000	-	

Đầu tư vào đơn vị khác:

(c) Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức

7.000.000.000 - 12.810.000.000 7.000.000.000 (*)

(a) Khoản đầu tư này chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cảng Long Thành là: kinh doanh khai thác cầu cảng, khai thác kho tàng bến bãi, bốc xếp và vận tải hàng hóa bằng ô tô trong và ngoài cảng và các dịch vụ của ngành hàng hải, dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp, vận tải, tàu lai dắt, vận chuyển hàng hóa đường thủy, đường bộ, cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu, dầu nhớt các loại), đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai là: cho thuê máy móc thiết bị xây dựng, cho thuê container, kho bãi và lưu giữ hàng hóa, xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, đường hầm, nạo vét sông.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 0,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức là cho thuê đất và mặt bằng, tư vấn thiết kế, quy hoạch, lập dự án đầu tư, tư vấn quản lý dự án, giám sát, thẩm định, kiểm định công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế Tân Cảng - Cái Mép	20.884.857.000	18.152.135.000
Công ty TNHH MTV Tân Cảng –Cái mép Thị Vải (TCTT)	10.418.507.500	3.233.100.000
Các khách hàng khác	60.541.976.676	55.921.010.801
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.28	136.639.812	2.190.650
Cộng	91.981.980.988	77.308.436.451

4.4. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.935.721.245	547.821.234	2.805.622.535	580.109.428

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2019
VNDTại ngày 01/01/2019
VND

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công Ty TNHH Đa Phương Thức Minh Phát	354.026.166	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng	354.026.166	-	Trên 3 năm Từ 6 tháng
Các khách hàng khác	2.581.695.079	547.821.234	đến trên 3 năm	2.451.596.369	580.109.428	đến trên 3 năm
Cộng	2.935.721.245	547.821.234		2.805.622.535	580.109.428	

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2B	70.856.735.182	61.636.872.000
Chi phí đền bù mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (9 ha)	51.331.957.425	45.365.283.425
Chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng cảng Đồng Nai giai đoạn 2	38.054.453.800	38.054.453.800
Các dự án khác	16.463.110.874	2.410.285.782
Cộng	176.706.257.281	147.466.895.007

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2019	514.018.072.686	95.847.661.919	57.654.866.625	7.014.565.828	6.922.139.033	681.457.306.091
Mua trong kỳ	-	-	1.980.150.000	395.640.000	41.518.182	2.417.308.182
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.494.754.947	37.642.081	-	-	-	3.532.397.028
Tại ngày 30/06/2019	517.512.827.633	95.885.304.000	59.635.016.625	7.410.205.828	6.963.657.215	687.407.011.301
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2019	210.623.974.362	38.362.168.353	36.510.799.649	4.966.081.351	4.555.670.302	295.018.694.017
Khấu hao trong kỳ	16.453.386.313	4.798.914.983	2.744.981.394	468.407.800	611.589.316	25.077.279.806
Tại ngày 30/06/2019	227.077.360.675	43.161.083.336	39.255.781.043	5.434.489.151	5.167.259.618	320.095.973.823
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2019	303.394.098.324	57.485.493.566	21.144.066.976	2.048.484.477	2.366.468.731	386.438.612.074
Tại ngày 30/06/2019	290.435.466.958	52.724.220.664	20.379.235.582	1.975.716.677	1.796.397.597	367.311.037.478

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 của TSCĐ hữu hình là 312.824.279.882 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.12.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 73.296.352.334 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán, bản quyền VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2019	1.818.363.207	4.480.860.961	6.299.224.168
Mua trong năm	-	350.000.000	350.000.000
Tại ngày 30/06/2019	1.818.363.207	4.830.860.961	6.649.224.168
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2019	-	1.479.707.104	1.479.707.104
Khấu hao trong năm	-	311.972.418	311.972.418
Tại ngày 30/06/2019	-	1.791.679.522	1.791.679.522
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2019	1.818.363.207	3.001.153.857	4.819.517.064
Tại ngày 30/06/2019	1.818.363.207	3.039.181.439	4.857.544.646

4.8. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí mua bảo hiểm	256.603.060	513.791.976
Các khoản khác	441.052.835	4.389.052
Cộng	697.655.895	518.181.028
Dài hạn:		
Tiền thuê đất trả trước	42.370.488.310	42.644.943.777
Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng không được cân trừ vào tiền thuê đất	8.431.347.894	8.571.015.852
Các khoản khác	7.497.945	4.418.379
Cộng	50.809.334.149	51.220.378.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2019 VND		Tại ngày 01/01/2019 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải HPS Marine	13.747.431.000	13.747.431.000	27.706.202.000	27.706.202.000
Phải trả cho các đối tượng khác	14.374.564.564	14.374.564.564	34.649.107.741	34.649.107.741
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.28	10.486.356.436	10.486.356.436	10.409.027.258	10.409.027.258
Cộng	<u>38.608.352.000</u>	<u>38.608.352.000</u>	<u>72.764.336.999</u>	<u>72.764.336.999</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.106.220.358	12.643.324.158	9.537.103.800	1.000.000.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.892.598.312	7.037.917.970	4.744.027.097	-	1.598.707.439
Thuế thu nhập cá nhân	-	40.387.600	1.785.368.816	2.407.415.329	-	662.434.113
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	54.683.742	1.566.026.955	1.511.343.213	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.252.206	6.695.000	-	442.794
Cộng	-	6.093.890.012	23.038.890.105	18.206.584.439	1.000.000.000	2.261.584.346

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Ngắn hạn:		
Phải trả về tiền đền bù trạm nước Xả Phước Thái, nạo vét luồng vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	31.473.700.740	634.577.840
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.833.463.287	1.177.193.064
Cộng	<u>34.680.546.277</u>	<u>3.185.153.154</u>
Dài hạn:		
Phải trả Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho người dân	16.530.632.897	16.530.632.897
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.970.957.325	6.670.957.325
Cộng	<u>23.501.590.222</u>	<u>23.201.590.222</u>

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2019		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	181.661.792.391	181.661.792.391	167.241.392.391	57.300.492.573	71.720.892.573	71.720.892.573
Dài hạn	145.384.263.611	145.384.263.611	-	15.920.400.000	161.304.663.611	161.304.663.611
Cộng	327.046.056.002	327.046.056.002	167.241.392.391	73.220.892.573	233.025.556.184	233.025.556.184

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Vay ngắn hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
			VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	6%/năm	99.939.994.295	21.475.012.692 (a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	5,8-6%/năm	49.880.998.096	18.405.079.881 (b)
Vay dài hạn đến hạn trả:				
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7%/năm	11.112.000.000	11.112.000.000 (c)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,8%/năm	5.824.800.000	5.824.800.000 (d)
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7-9,3%/năm	14.904.000.000	14.904.000.000 (e)
Cộng			181.661.792.391	71.720.892.573

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

Khoản vay dài hạn:	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày	Tại ngày
			30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
Quý Đầu Tư Phát Triển	VND	7%/năm	44.984.109.247	50.540.109.247
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,8%/năm	4.838.847.961	7.751.247.961
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	8,7%-9,3%/năm	95.561.306.403	103.013.306.403
Cộng			145.384.263.611	161.304.663.611

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(b) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Xe cầu Lima 700TC- 02 (01 chiếc);
- Xe cầu bánh lốp P&H 670TC (01 chiếc);
- Căn trực bánh lốp Halla American 5530 (01 chiếc);
(Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 58/12/VCB.BH).

(c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Bến tàu 30.000 DWT;
- 2 cầu Libebherr (Hợp đồng thế chấp tài sản số 33/2014.HĐTC-TD ngày 24/12/2014).

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ công trình xây dựng trên đất và tài sản đầu tư trên đất, khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản của dự án nâng cấp mở rộng cầu cảng số 2 (bến số lan 3.000 DWT) tại Phường Long Bình Tân, Đồng Nai (Theo hợp đồng thế chấp số 094/14/VCB.BH);
- Chân đế trụ cầu thuộc công trình bến số lan 3.000 DWT tại phường Long Bình Tân;
- 01 cầu bờ có định 40T/30M-Macgregor GL4030-2;
- (Theo hợp đồng thế chấp số 211/14/VCB.BH);

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

▪ Công trình đồng bộ - nhà kho CFS diện tích 5.250m² (thuộc dự án mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 tại Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai) (Theo hợp đồng thuê chấp số 054.13).

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng tất cả các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác bãi hoặc hạ tầng kỹ thuật trên bãi, quyền nhận tiền từ hợp đồng, quyền đòi nợ, quyền được nhận số tiền bảo hiểm, quyền nhận các khoản tiền bồi thường phạt vi phạm,... và tất cả các quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng thuê quyền sử dụng đất 157.544,4 m² tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và bãi cấp phối sỏi đồ 7,15ha và 2,17ha thuộc dự án Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2 tại Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai (Hợp đồng thuê chấp tài sản số 01/CĐN/2015/HĐTC và Hợp đồng thuê chấp tài sản 02/CĐN/2017/HĐTC ngày 29 tháng 09 năm 2017).

Giá trị còn lại của tài sản hữu hình dùng cầm cố thế chấp cho các khoản vay là 312.824.279.882 VND – Xem thêm mục 4.6.

4.13. Dự phòng phải trả

Là khoản trích quỹ dự phòng tiền lương và dự phòng sửa chữa tài sản cố định.

4.14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quỹ khen thưởng phúc lợi VND
Tại ngày 01/01/2019	9.843.949.819
Trích trong kỳ	13.810.165.000
Tăng khác	16.680.000
Chi trong kỳ	6.581.290.577
Tại ngày 30/06/2019	<u>17.089.504.242</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	123.479.870.000	74.434.806.545	146.979.413.629	7.752.120.803	64.518.721.432	417.164.932.409
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	54.804.480.206	54.804.480.206
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	109	-	(109)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.414.191.000)	(8.414.191.000)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(764.926.000)	(764.926.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(486.000.000)	(486.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(37.043.961.000)	(37.043.961.000)
Số dư tại ngày 30/06/2018	123.479.870.000	74.434.806.545	146.979.413.738	7.752.120.803	72.614.123.529	425.260.334.615
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	56.284.770.049	56.284.770.049
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	22.206.942.000	-	(22.206.942.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.347.987.000)	(12.347.987.000)
Số dư tại ngày 01/01/2019	123.479.870.000	74.434.806.545	169.186.355.738	7.752.120.803	94.343.964.578	469.197.117.664
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	64.723.874.382	64.723.874.382
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	22.206.941.000	-	(22.206.941.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(12.213.818.000)	(12.213.818.000)
Trích quỹ chi công tác xã hội	-	-	-	-	(1.110.347.000)	(1.110.347.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	-	-	(486.000.000)	(486.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.869.967.500)	(30.869.967.500)
Số dư tại ngày 30/06/2019	123.479.870.000	74.434.806.545	191.393.296.738	7.752.120.803	92.180.765.460	489.240.859.546

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Vốn góp của công ty mẹ	62.974.800.000	62.974.800.000
Vốn góp của các đối tượng khác	60.505.070.000	60.505.070.000
Cộng	123.479.870.000	123.479.870.000

4.15.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.347.987	12.347.987
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.347.987	12.347.987

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.15.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	64.723.874.382	54.804.480.206
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(8.067.906.202)	(6.816.417.371)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần	56.655.968.180	47.988.062.835
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (*)	18.521.954	18.521.954
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần	3.059	2.591

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trừ ra khi tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phần được ước tính dựa vào tỷ lệ phân bổ lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 04 năm 2019.

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	12.347.987	12.347.987
Ảnh hưởng của 6.173.967 cổ phần phổ thông phát hành ngày 24 tháng 07 năm 2019 từ nguồn vốn chủ sở hữu	6.173.967	6.173.967
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	18.521.954	18.521.954

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.15.5. Cổ tức**

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên vào ngày 23 tháng 04 năm 2019 thì tỷ lệ chia cổ tức của năm 2018 là 35% trên vốn điều lệ.

4.15.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2019	169.186.355.738	7.752.120.803
Trích trong kỳ	22.206.941.000	-
Tại ngày 30/06/2019	191.393.296.738	7.752.120.803

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2019	Tại ngày 01/01/2019
Ngoại tệ các loại:		
USD	156.930,97	150.675,92

4.17. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	344.513.627.621	320.259.127.119
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho bên liên quan – Xem thêm mục 4.28	1.189.807.705	1.222.450.398
Cộng	345.703.435.326	321.481.577.517

4.18. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.215.119.551	1.288.439.747
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.908.900.000	1.016.482.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.785.200	2.635.775
Cộng	3.125.804.751	2.307.558.022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	10.169.454.281	9.755.398.194
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.010.500	35.088.167
Cộng	10.171.464.781	9.790.486.361

4.21. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí hoa hồng	4.585.246.534	4.435.665.357
Chi phí nhân viên	1.737.015.417	1.502.853.006
Chi phí bằng tiền khác	2.097.724.299	989.556.399
Cộng	8.419.986.250	6.928.074.762

4.22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.333.678.493	9.007.351.285
Thuế phí, lệ phí	1.637.873.170	1.809.368.717
Chi phí khấu hao	726.235.722	681.128.057
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	162.386.904	(43.125.849)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.394.818.144	1.689.378.551
Chi phí khác bằng tiền	8.107.591.946	6.710.094.616
Cộng	23.362.584.379	19.854.195.377

4.23. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.527.735.167	5.164.781.794
Chi phí nhân công	39.427.364.553	34.969.710.693
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.389.252.224	23.974.553.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.317.044.728	172.463.196.765
Chi phí khác bằng tiền	24.194.811.011	16.764.865.275
Chi phí dự phòng	162.386.904	(43.125.849)
Cộng	267.018.594.587	253.293.982.556

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	71.761.792.352	60.825.535.538
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	403.900.998	313.080.877
Trừ: Thu nhập miễn thuế (cổ tức và lợi nhuận được chia)	(1.908.900.000)	(1.016.482.500)
Thu nhập tính thuế	70.256.793.350	60.122.133.915
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế suất ưu đãi 10%</i>	70.134.407.007	60.033.714.512
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác chịu thuế suất phổ thông 20%</i>	122.386.343	88.419.403
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	7.013.440.701	6.003.371.451
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động khác	24.477.269	17.683.881
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.037.917.970	6.021.055.332

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

4.25. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	151.320.992.391	156.036.457.717

4.26. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(57.300.492.573)	(137.478.883.054)

4.27. Báo cáo bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ có hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cảng biển.

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu là dịch vụ cảng biển tại khu vực Đồng Nai, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.28. Thông tin về các bên liên quan**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công Nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
9. Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt
10. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2019 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2019 VND</u>
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	100.209.400	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	29.541.512	2.190.650
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	6.888.900	-
	<u>136.639.812</u>	<u>2.190.650</u>
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Đồng Nai	(5.905.120.969)	(5.853.261.179)
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	(3.999.186.165)	(4.339.759.579)
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	(397.815.152)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(140.642.250)	(128.886.240)
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	(38.278.900)	(36.416.130)
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	-	(23.204.130)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	-	(15.400.000)
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	(5.313.000)	(12.100.000)
	<u>(10.486.356.436)</u>	<u>(10.409.027.258)</u>
Cộng – Xem thêm mục 4.3		
Cộng – Xem thêm mục 4.9		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 1B-D3, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	652.409.444	603.808.968
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	274.768.064	343.089.310
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	259.361.437	275.552.120
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	3.268.760	-
Cộng – Xem thêm mục 4.17	<u>1.189.807.705</u>	<u>1.222.450.398</u>

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Cảng Đồng Nai	29.309.528.247	19.192.677.379
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Số 1 Đồng Nai	19.750.746.688	18.536.759.749
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	998.010.400	1.070.331.800
Công ty Cổ phần Cấp Nước Đồng Nai	223.995.200	117.029.660
Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	197.880.680	245.969.940
Công ty Cổ phần Môi Trường Sonadezi	42.250.000	35.020.000
Cộng	<u>50.522.411.215</u>	<u>39.197.788.528</u>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao và thu nhập	2.016.888.000	2.007.963.000

4.29. Thu nhập Ban kiểm soát

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	547.052.000	455.598.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.30. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.511.343.213	1.692.502.710

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2019 VND	Tại ngày 01/01/2019 VND
Từ 1 năm trở xuống	2.837.320.290	3.385.602.491
Trên 1 năm đến 5 năm	11.349.281.160	14.709.594.090
Trên 5 năm	92.646.708.173	99.675.486.604
Cộng	106.833.309.623	117.770.683.185

4.31. Số liệu so sánh

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần	2.591	3.889

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phần kỳ trước đã được trình bày lại thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018 và số cổ phần phổ thông phát hành thêm từ nguồn vốn chủ sở hữu vào ngày 24 tháng 07 năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

4.32. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty đã phát hành thêm 6.173.967 cổ phần phổ thông vào ngày 24 tháng 07 năm 2019 để tăng vốn điều lệ từ 123.479.870.000 VND lên 185.219.540.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 23 tháng 4 năm 2019.



Nguyễn Ngọc Tuấn
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 09 tháng 08 năm 2019

Huỳnh Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

Vũ Thị Quỳnh Trang
Người lập